

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 13-12-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và bà Lê Thị Thái Lan;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28/10/2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Trần Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu phố 5, phường PD, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt;

2/ *Bị đơn:* Phạm Văn NH, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu phố 5, phường PD, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vắng mặt;

3/ *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông NH đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2011, tại UBND phường PD, thành phố Tuy Hòa. Quá trình chung sống ông NH thường đánh bà T. Bà T không thể sống chung được với ông NH nên đã bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 9/2020 đến nay; bà T chỉ liên lạc với các con chứ không còn liên lạc với ông NH nữa. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin ly hôn ông NH.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ Linh, sinh ngày 10/9/2012 và Phạm Văn Huy, sinh ngày 02/4/2008, các con hiện đang sống với ông NH. Ly hôn, bà T yêu cầu ông NH tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, bà T sẽ cấp dưỡng tùy theo khả năng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình tố tụng ông Phạm Văn NH trình bày:

Ông NH và bà T kết hôn và đăng ký kết hôn như nội dung bà T đã trình bày. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu bình thường, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà T bỏ đi làm ăn xa và nghe lời bạn bè nên xin ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có cãi vã, ông NH có tát tai bà T 01 cái nhưng vợ chồng đã hòa giải. Ông NH không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ cần có cha mẹ chăm lo.

Về con chung: Có 02 con chung như bà T đã trình bày.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà tại khu phố 5, phường PD, thành phố Tuy Hòa; vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2022/HNGĐ-ST ngày 07-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Trần Thị T; và tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Nguyên đơn có đơn kháng cáo xin được ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và có ý kiến muốn được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Văn Huy, sinh ngày 02/4/2008; vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con.

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo biên bản xác minh ngày 22/6/2022 tại UBND phường PD, thành phố Tuy Hòa: Ông NH và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2011 tại UBND phường PD; quá trình chung sống vợ chồng ông NH, bà T có cãi vã, ông NH có bạo hành gia đình hay không thì địa phương không biết, nhưng bà T đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2020 đến nay.

Hiện tại các con chung đang sống với ông NH; bà T không cấp dưỡng nuôi con chung; ông NH không đồng ý ly hôn nêu ra lý do các con còn nhỏ cần có cha mẹ nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi cho các con. Trong khi đó bà T yêu cầu kháng cáo xin ly hôn là để ổn định lo cho các con.

Như vậy, lý do xin ly hôn của nguyên đơn là không đúng với thực tế, nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nên chưa giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, nếu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết cho nguyên đơn ly hôn thì các đương sự trong vụ án bị mất quyền kháng cáo về quyền nuôi con và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 62/2022/HNGĐ-ST, ngày 07-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Trần Thị T.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000đ tại biên lai thu số 0005045 ngày 16/3/2022 và 300.000đ tại

biên lai thu số 0007538 ngày 19/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện TP TH;
- Phòng NVKT &THA;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang